



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quản lý Giáo dục - K.19 - Lớp 1 (DQG1191)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119460002	Nguyễn Phương Huyền	Anh	23/08/2001	90	Xuất sắc
2	3119460003	Phạm Văn	Anh	24/04/2001	76	Khá
3	3119460004	Nguyễn Thị Diệu	Ánh	14/11/2000	70	Khá
4	3119460007	Trương Huỳnh	Đào	29/08/2001	77	Khá
5	3119460009	Nguyễn Hoàng	Giang	08/04/2001	73	Khá
6	3119460010	Vũ Chu Nhật	Hạ	29/09/2001	81	Tốt
7	3119460015	Lê Thị Thảo	Huyền	21/05/2001	82	Tốt
8	3119460017	Trần Thị	Hương	30/04/2001	82	Tốt
9	3119460019	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	03/09/2001	74	Khá
10	3119460031	Nguyễn Trọng	Nhân	24/03/2001	79	Khá
11	3119460035	Lê Bảo Hồng	Nhi	05/09/2001	73	Khá
12	3119460037	Mai Đoàn Yến	Nhi	29/09/2001	76	Khá
13	3119460039	Lê Thị Trang	Nhung	03/07/2001	87	Tốt
14	3119460040	Hồ Thị Huỳnh	Như	30/09/2001	85	Tốt
15	3119460043	Phạm Huỳnh Tuấn	Phong	29/08/2001	73	Khá
16	3119460046	Nguyễn Hạnh	Tâm	06/05/2001	73	Khá
17	3119460047	Nguyễn Ngọc	Thanh	08/12/2001	71	Khá
18	3119460049	Lê Hồng	Thảo	05/01/2001	78	Khá
19	3119460051	Nguyễn Thanh	Thảo	15/11/2001	78	Khá
20	3119460053	Nguyễn Đức	Thịnh	28/06/2001	77	Khá
21	3119460057	Trịnh Vũ Hoài	Thương	28/07/2001	84	Tốt
22	3119460058	Nguyễn Trần Mai	Thy	06/08/2001	78	Khá
23	3119460059	Võ Thị Anh	Thy	16/04/2001	76	Khá
24	3119460060	Lê Quốc	Toàn	30/07/2001	76	Khá
25	3119460064	Trương Thị Thùy	Trang	13/05/2001	94	Xuất sắc
26	3119460065	Ngô Trần Ngọc	Trâm	27/04/2001	77	Khá
27	3119460066	Lê Đặng Hoàng	Trình	07/04/2001	71	Khá
28	3119460067	Nguyễn Thị Việt	Trình	25/05/2001	75	Khá
29	3119460068	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	21/01/2001	79	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quản lý Giáo dục - K.19 - Lớp 1 (DQG1191)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119460071	Nguyễn Thị Xuân Uyên	08/10/2001	81	Tốt
31	3119460073	Trần Triệu Vy	02/10/2001	74	Khá

Tổng cộng danh sách này có 31 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	6,5
Tốt	7	22,6
Khá	22	71,0
TB	0	0,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quản lý Giáo dục - K.20 - Lớp 1 (DQG1201)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120460010	Ngô Huyền	Anh	15/11/2000	68	Khá
2	3120460011	Nguyễn Thị Trúc	Anh	14/10/2002	77	Khá
3	3120460013	Từ Hoàng Gia	Bảo	11/06/2002	67	Khá
4	3120460016	Võ Quỳnh	Đan	22/04/2002	69	Khá
5	3120460017	Lê Anh	Đào	07/05/2002	78	Khá
6	3120460025	Nguyễn Văn	Hi	20/02/2002	78	Khá
7	3120460027	Lê Đình Như	Huệ	01/01/2002	75	Khá
8	3120460028	Nguyễn Văn Hiền	Huy	06/05/2002	78	Khá
9	3120460029	Nguyễn Thị Thanh	Hương	26/03/2002	84	Tốt
10	3120460030	Trần Thị Mai	Khanh	18/06/2002	68	Khá
11	3120460033	Lê Thị Phương	Linh	25/07/2002	67	Khá
12	3120460036	Nguyễn Ngọc Quang	Minh	23/09/2002	73	Khá
13	3120460038	Võ Hồng	Ngân	22/03/2002	64	Trung bình
14	3120460039	Lao Cảnh Song	Nguyên	12/11/2002	73	Khá
15	3120460041	Trần Nguyễn Uyên	Nhi	14/10/2002	73	Khá
16	3120460042	Lê Hà Cẩm	Nhung	14/11/2002	88	Tốt
17	3120460043	Trần Thị Huỳnh	Như	02/08/2002	76	Khá
18	3120460044	Lê Thụy Lan	Nhy	29/10/2002	67	Khá
19	3120460048	Vũ Thị Thảo	Quyên	15/04/2002	67	Khá
20	3120460049	Thái Thị Thanh	Tâm	08/07/2002	77	Khá
21	3120460050	Nguyễn Đăng Minh	Thanh	06/12/2002	72	Khá
22	3120460052	Đăng Thanh	Thảo	16/11/2002	76	Khá
23	3120460053	Nguyễn Ngọc Đan	Thảo	14/02/2002	80	Tốt
24	3120460054	Trần Nguyễn Anh	Thư	01/01/2002	66	Khá
25	3120460055	Trương Mai Phúc	Thư	01/11/2002	68	Khá
26	3120460056	Võ Nguyễn Anh	Thư	01/01/2002	68	Khá
27	3120460057	Nguyễn Thị Hoài	Thương	11/07/2002	74	Khá
28	3120460060	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	04/03/2002	76	Khá
29	3120460061	Phạm Ái Mỹ	Trà	25/07/2002	87	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quản lý Giáo dục - K.20 - Lớp 1 (DQG1201)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120460062	Nguyễn Hoàng Mộng	Trình	15/02/2002	72	Khá
31	3120460064	Nguyễn Thành	Trung	12/05/2002	70	Khá
32	3120460066	Nguyễn Văn	Tú	13/02/2002	73	Khá
33	3120460068	Trương Huy	Tường	22/08/2002	74	Khá
34	3120460073	Bùi Lê Thảo	Vy	13/01/2002	64	Trung bình
35	3120460008	Nguyễn Đỗ Thúy	Vy	02/05/2002	84	Tốt
36	3120460074	Nguyễn Thị Như	Ý	11/02/2002	63	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 36 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	5	13,9
Khá	28	77,8
TB	3	8,3
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Quản lý Giáo dục - K.21 - Lớp 1 (DQG1211)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121460005	Phan Thị Xuân	Anh	20/11/2003	73	Khá
2	3121460006	Trần Nguyên Trâm	Anh	08/12/2003	68	Khá
3	3121460009	Trương Hoài	Ân	14/07/2003	69	Khá
4	3121460011	Hồ Long Mỹ	Duyên	07/05/2003	69	Khá
5	3121460014	Trần Diệp Mỹ	Duyên	16/10/2003	62	Trung bình
6	3121460015	Huỳnh Tiến	Đức	12/10/2003	61	Trung bình
7	3121460020	Trương Thị Phụng	Hoàng	18/08/2003	0	Kém
8	3121460001	Võ Minh	Huy	08/10/2003	76	Khá
9	3121460023	Phạm Doãn	Khang	17/12/2003	67	Khá
10	3121460025	Võ Nguyễn Kim	Liên	28/09/2003	71	Khá
11	3121460026	Nguyễn Võ Kim	Linh	04/07/2003	56	Trung bình
12	3121460029	Phan Thị Thúy	Mùi	21/09/2003	80	Tốt
13	3121460030	Lê Thị	Nga	21/12/2003	70	Khá
14	3121460032	Trần Lê Bảo	Ngọc	20/04/2003	66	Khá
15	3121460036	Nguyễn Hồng	Như	28/08/2003	89	Tốt
16	3121460038	Phan Thị Huỳnh	Như	22/09/2003	80	Tốt
17	3121460039	Lê Nguyễn Tường	Oanh	02/12/2003	69	Khá
18	3121460042	Phan Huỳnh	Phúc	13/10/2003	54	Trung bình
19	3121460045	Đinh Bảo	Quyên	19/03/2003	66	Khá
20	3121460047	Nguyễn Thị Tú	Quỳnh	10/06/2003	92	Xuất sắc
21	3121460049	Trần Ngọc Minh	Tâm	14/09/2003	81	Tốt
22	3121460050	Phạm Nguyễn Công	Thành	01/02/2003	75	Khá
23	3121460052	Nguyễn Lê Bích	Thảo	06/05/2003	0	Kém
24	3121460054	Trương Lan	Thảo	20/05/2003	78	Khá
25	3121460055	Trà Ngọc Anh	Thị	18/08/2003	72	Khá
26	3121460056	Đương Anh	Thư	30/06/2001	89	Tốt
27	3121460059	Nguyễn Ngọc Hoàng	Thư	16/05/2003	58	Trung bình
28	3121460060	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	18/10/2003	63	Trung bình
29	3121460061	Nguyễn Tổng Minh	Thư	13/05/2003	57	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quản lý Giáo dục - K.21 - Lớp 1 (DQG1211)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121460062	Huỳnh Nhơn	Tiến	25/02/2003	74	Khá
31	3121460063	Thiều Thụy Thùy	Trang	03/08/2003	75	Khá
32	3121460064	Hồ Ngọc	Trân	18/06/2003	73	Khá
33	3121460065	Nguyễn Thị Thu	Tuyền	03/02/2003	77	Khá
34	3121460066	Phạm Huỳnh Minh	Tuyền	15/04/2003	54	Trung bình
35	3121460067	Ngô Long	Vân	23/06/2003	69	Khá
36	3121460068	Phạm Khánh	Vân	08/11/2003	89	Tốt
37	3121460069	Nguyễn Vũ Tường	Vi	23/07/2003	75	Khá
38	3121460070	Đặng Ngọc Thảo	Vy	28/03/2003	74	Khá
39	3121460071	Hứa Xuân	Vy	05/09/2003	63	Trung bình
40	3121460072	Nguyễn Đình Phương	Vy	04/05/2003	75	Khá
41	3121460073	Nguyễn Hà Khánh	Vy	05/10/2003	69	Khá
42	3121460074	Trần Thị Thúy	Vy	16/03/2003	65	Khá

Tổng cộng danh sách này có 42 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	2,4
Tốt	6	14,3
Khá	24	57,1
TB	9	21,4
Yếu	0	0,0
Kém	2	4,8

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Quản lý Giáo dục - K.22 - Lớp 1 (DQG1221)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122460001	Bùi Phạm Tú	Anh	05/01/1999	54	Trung bình
2	3122460004	Ngô Thị Mỹ	Duyên	01/02/2004	57	Trung bình
3	3122460005	Trần Phôi	Duyên	02/04/2004	75	Khá
4	3122460006	Võ Kim Kỳ	Duyên	09/11/2004	82	Tốt
5	3122460007	Lê Minh	Đạt	24/05/2004	57	Trung bình
6	3122460008	Phạm Anh	Đức	28/06/2004	58	Trung bình
7	3122460009	Đinh Thị Vân	Hà	23/11/2004	57	Trung bình
8	3122460010	Osmel	Hanaphi	29/09/2004	0	Kém
9	3122460011	Nguyễn Xuân Ngọc	Hào	11/06/2004	70	Khá
10	3122460012	Nguyễn Ngọc	Hân	17/03/2002	64	Trung bình
11	3122460013	Trương Kha Gia	Hân	18/09/2004	69	Khá
12	3122460014	Nguyễn Ngọc Phương	Hoa	29/07/2004	68	Khá
13	3122460015	Phạm Thị Quỳnh	Huông	29/11/2004	68	Khá
14	3122460017	Vũ Thị Thanh	Hương	28/02/2004	69	Khá
15	3122460018	Huỳnh Bảo	Khanh	22/10/2004	71	Khá
16	3122460019	Chang Khánh	Kiệt	20/06/1996	83	Tốt
17	3122460020	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	11/10/2004	68	Khá
18	3122460023	Đào Khánh	Ly	28/04/2004	76	Khá
19	3122460024	Hoàng Trúc	Mai	17/02/2004	53	Trung bình
20	3122460025	Võ Lê Tuyết	Mai	26/08/2004	75	Khá
21	3122460026	Đinh Thụy Diễm	My	09/01/2004	71	Khá
22	3122460027	Huỳnh Thanh	Ngân	06/03/2004	68	Khá
23	3122460028	Vũ Hồng	Ngân	17/07/2002	66	Khá
24	3122460029	Nguyễn Lê Tuyết	Nghi	02/12/2004	67	Khá
25	3122460030	Phạm Chí Hiếu	Nghĩa	18/02/2004	0	Kém
26	3122460032	Đoàn Hạnh	Nguyên	22/03/2003	69	Khá
27	3122460033	Nguyễn Lan	Nhi	10/07/2004	73	Khá
28	3122460034	Phạm Ngọc Tuyết	Nhi	30/10/2004	60	Trung bình
29	3122460035	Âu Huệ	Như	10/08/2003	73	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Quản lý Giáo dục - K.22 - Lớp 1 (DQG1221)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122460037	Nguyễn Hà Yến	Như	06/04/2004	68	Khá
31	3122460038	Nguyễn Lê Huỳnh	Như	05/05/2004	68	Khá
32	3122460039	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	18/10/2004	70	Khá
33	3122460040	Trần Ánh	Như	31/05/2004	73	Khá
34	3122460041	Bạch Huỳnh Chí	Quân	29/01/2004	64	Trung bình
35	3122460042	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	16/02/2004	58	Trung bình
36	3122460043	Lê Ngọc Tuyết	Thanh	14/09/2003	64	Trung bình
37	3122460044	Nguyễn Phương	Thanh	31/10/2004	67	Khá
38	3122460047	Hoàng Quốc	Thắng	18/09/2004	58	Trung bình
39	3122460049	Nguyễn Thị Kim	Thoa	06/06/2004	74	Khá
40	3122460053	Ngô Thụy Minh	Thư	16/05/2004	84	Tốt
41	3122460054	Nguyễn Anh	Thư	16/09/2004	57	Trung bình
42	3122460055	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	04/02/2004	64	Trung bình
43	3122460056	Phạm Anh	Thư	18/01/2004	66	Khá
44	3122460058	Trương Kim	Thư	15/04/2004	0	Kém
45	3122460059	Hứa Thị Huyền	Trang	22/12/2004	63	Trung bình
46	3122460060	Phạm Thị Ngân	Trâm	03/01/2004	73	Khá
47	3122460061	Trần Thị Bích	Trâm	03/02/2004	75	Khá
48	3122460062	Đinh Ngọc	Trân	18/11/2004	67	Khá
49	3122460063	Lê Vũ Ngọc	Trân	05/04/2004	68	Khá
50	3122460064	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/11/2004	68	Khá
51	3122460065	Phạm Phương	Uyên	21/02/2003	68	Khá
52	3122460066	Nguyễn Trúc Thanh	Vân	02/09/2004	68	Khá
53	3122460067	Trần Hoàng Thanh	Vân	18/06/2004	65	Khá
54	3122460068	Trần Hồng Nhật	Vy	19/05/2004	81	Tốt
55	3122460070	Lê Ngọc Như	Ý	23/03/2004	69	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quản lý Giáo dục - K.22 - Lớp 1 (DQG1221)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 55 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
------	-------	---------

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc	0	0,0
-------	---	-----

Tốt	4	7,3
-----	---	-----

Khá	33	60,0
-----	----	------

TB	15	27,3
----	----	------

Yếu	0	0,0
-----	---	-----

Kém	3	5,5
-----	---	-----

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Tâm lí học - K.19 - Lớp 1 (DTL1191)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119530001	Bùi Trương Lan	Anh	12/01/1999	88	Tốt
2	3119530004	Vũ Phương	Anh	01/10/2001	67	Khá
3	3119530009	Ka	Chen	22/01/2001	55	Trung bình
4	3119530014	Phạm Minh	Duy	23/01/2001	86	Tốt
5	3119530019	Đỗ Thành	Đạt	02/07/2001	69	Khá
6	3119530021	Lê Phan Khánh	Hạ	14/07/2001	62	Trung bình
7	3119530023	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	25/09/2001	69	Khá
8	3119530027	Hoàng Nguyễn Thảo	Hiền	07/08/2001	67	Khá
9	3119530029	Trần Thị Thu	Hiền	27/01/2001	69	Khá
10	3119530031	Bùi Mạnh	Hoàng	20/11/2001	69	Khá
11	3119530033	La Thành	Huy	02/03/2001	73	Khá
12	3119530035	Ngọc Thu	Huyền	28/10/2001	69	Khá
13	3119530038	Trần Thị Thu	Hương	30/08/2001	67	Khá
14	3119530041	Nguyễn Vũ Đăng	Khoa	09/02/2001	69	Khá
15	3119530044	Kiều Diệu	Linh	07/05/2001	68	Khá
16	3119530046	Nguyễn Hải	Linh	26/10/2000	68	Khá
17	3119530048	Võ Gia	Linh	22/06/2001	76	Khá
18	3119530051	Phùng Cẩm	Ly	11/12/2001	72	Khá
19	3119530053	Hồ Võ Phương	May	09/09/2001	73	Khá
20	3119530055	Lê Thị Minh	Mỹ	04/10/2001	73	Khá
21	3119530057	Trần Thị Ngọc	Nga	20/11/2001	73	Khá
22	3119530059	Dương Minh Kim	Ngân	02/11/2001	79	Khá
23	3119530062	Nguyễn Thị Kim	Ngân	03/02/2001	72	Khá
24	3119530064	Quan Hiếu	Nghĩa	09/03/2001	63	Trung bình
25	3119530067	Lưu Hạnh	Nguyên	29/09/2001	72	Khá
26	3119530073	Nguyễn Trần Tuyết	Nhi	18/07/2001	72	Khá
27	3119530076	Đinh Thị	Nhiên	31/10/2001	78	Khá
28	3119530081	Lê Ngọc	Như	22/09/2001	72	Khá
29	3119530083	Nguyễn Dương Ái	Như	27/03/2001	63	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Tâm lý học - K.19 - Lớp 1 (DTL1191)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119530087	Huỳnh Trần Thanh	Phong	15/10/2001	72	Khá
31	3119530089	Phạm Nguyễn Hoàng	Phúc	24/03/2001	69	Khá
32	3119530092	Huỳnh Ngọc	Sang	17/03/2001	78	Khá
33	3119530094	Trần Ngọc Thanh	Tâm	26/10/2001	69	Khá
34	3119530096	Trần Kim	Thanh	02/04/2001	65	Khá
35	3119530098	Hoàng Phương	Thảo	11/07/2001	73	Khá
36	3118530099	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	19/07/2000	72	Khá
37	3119530109	Thân Nhật Thủy	Tiên	14/09/2001	80	Tốt
38	3119530114	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	11/04/2001	81	Tốt
39	3119530117	Lê Thái	Trân	03/02/2001	66	Khá
40	3119530119	Phạm Hoàng Thanh	Trúc	24/01/2001	73	Khá
41	3119530122	Vũ Tuyết Thanh	Trúc	09/03/2001	72	Khá
42	3119530125	Võ Đức Minh	Tuân	19/01/2001	60	Trung bình
43	3119530128	Lê Thị Cát	Tường	23/07/2001	63	Trung bình
44	3119530130	Trần Thị Mỹ	Uyên	06/11/2001	73	Khá
45	3119530132	Châu Phương Thảo	Vy	30/09/2001	80	Tốt
46	3119530136	Trần Ngọc Lan	Vy	25/10/2001	73	Khá
47	3119530140	Đinh Hoàng Bảo	Yến	29/03/2001	73	Khá

Tổng cộng danh sách này có 47 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	5	10,6
Khá	36	76,6
TB	6	12,8
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Tâm lí học - K.19 - Lớp 2 (DTL1192)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119530002	Nguyễn Hà Phương	Anh	22/04/2001	68	Khá
2	3119530005	Trần Thiên	Ân	05/09/2001	55	Trung bình
3	3119530011	Nguyễn Trung	Chiến	10/10/2001	72	Khá
4	3119530016	Nguyễn Mỹ	Duyên	02/02/2001	69	Khá
5	3119530018	Trần Phạm Trúc	Dương	16/07/2001	72	Khá
6	3119530020	Phan Tiến	Đạt	12/06/2001	63	Trung bình
7	3119530022	Lê Huỳnh Mỹ	Hạnh	30/09/2001	69	Khá
8	3119530024	Trần Chí	Hào	08/11/2001	80	Tốt
9	3119530028	Lê Diệu	Hiền	20/07/2001	76	Khá
10	3119530032	Nguyễn Đức Hoàng	Huệ	19/02/2001	63	Trung bình
11	3119530034	Phạm Nguyễn Đức	Huy	17/10/2001	60	Trung bình
12	3119530043	Diệp Ngọc Mỹ	Linh	31/10/2000	62	Trung bình
13	3119530045	Lê Huyền	Linh	16/09/2001	80	Tốt
14	3119530049	Nguyễn Võ Huy	Long	13/07/2001	68	Khá
15	3119530052	Phạm Thị	Mai	05/03/2001	68	Khá
16	3119530054	Hoàng	Minh	09/06/2001	0	Kém
17	3119530056	Huỳnh Lâm Quốc	Nam	17/06/2001	60	Trung bình
18	3119530058	Bùi Lê Phương	Ngân	09/11/2001	64	Trung bình
19	3119530060	Hồ Thanh	Ngân	07/07/2001	60	Trung bình
20	3119530063	Nguyễn Hoàng Trung	Nghĩa	11/03/2001	69	Khá
21	3119530069	Vũ Hồng Minh	Nguyên	01/01/2000	80	Tốt
22	3119530074	Trần Yến	Nhi	02/12/2001	65	Khá
23	3119530079	Lâm Tâm	Như	25/08/2001	77	Khá
24	3119530082	Lê Thị Quỳnh	Như	20/09/2001	65	Khá
25	3119530085	Trần Gia Quỳnh	Như	10/06/2001	65	Khá
26	3119530088	Phạm Hiếu	Phong	14/07/2001	58	Trung bình
27	3119530090	Nguyễn Thị Thu	Phương	14/01/2001	64	Trung bình
28	3119530093	Nguyễn Minh	Tài	14/11/2001	55	Trung bình
29	3119530095	Đặng Thị Hiền	Thanh	21/04/2001	65	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Tâm lý học - K.19 - Lớp 2 (DTL1192)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119530097	Võ Thị Trường	Thanh	05/11/2001	72	Khá
31	3119530100	Trần Thạch	Thảo	16/06/2001	66	Khá
32	3119530105	Nguyễn Thanh	Thúy	02/12/2001	64	Trung bình
33	3119530113	Trần Thanh Yến	Trang	26/12/2001	70	Khá
34	3119530116	Lê Ngọc	Trân	28/01/2001	71	Khá
35	3119530118	Mai Phạm Bảo	Trân	11/07/2001	71	Khá
36	3119530120	Phạm Thanh	Trúc	08/05/2001	64	Trung bình
37	3119530129	Dương Thị Thu	Uyên	30/08/2001	68	Khá
38	3119530131	Lik Kiển	Văn	15/08/2001	67	Khá
39	3119530133	Lâm Ngọc Thúy	Vy	28/04/2001	85	Tốt
40	3119530135	Trần Đoàn Thanh	Vy	26/07/2001	75	Khá
41	3119530137	Trần Nguyễn Phương	Vy	03/09/2001	68	Khá
42	3119530141	Ngô Thị Kim	Yến	29/09/2001	69	Khá

Tổng cộng danh sách này có 42 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	4	9,5
Khá	24	57,1
TB	13	31,0
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,4

TS. Võ Văn Thập



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Tâm lí học - K.20 - Lớp 1 (DTL1201)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120530017	Phạm Thị Trúc	An	17/06/2002	68	Khá
2	3120530022	Lê Quang	Bình	29/11/2002	50	Trung bình
3	3120530024	Mai Hoàng Kim	Chi	21/12/2002	63	Trung bình
4	3119530013	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19/08/2001	57	Trung bình
5	3120530028	Nguyễn Trương Thùy	Dung	11/01/2002	72	Khá
6	3120530033	Nguyễn Thụy Thanh	Duyên	02/01/2002	62	Trung bình
7	3120530036	Thạch Ngọc	Đinh	19/10/2002	70	Khá
8	3120530042	Nguyễn Hồ Gia	Hân	08/07/2002	54	Trung bình
9	3120530051	Phạm Hoàng Bảo	Khánh	26/11/2002	53	Trung bình
10	3120530054	Nguyễn Đình Hoàng	Lam	15/05/2002	65	Khá
11	3120530056	Nguyễn Mỹ	Linh	03/01/2002	80	Tốt
12	3120530059	Phạm Nguyễn Khánh	Ly	25/02/2002	74	Khá
13	3120530061	Đào Xuân	Mai	17/07/2002	55	Trung bình
14	3120530069	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	03/05/2002	62	Trung bình
15	3120530075	Trần Minh	Nguyễn	29/09/2002	41	Yếu
16	3120530077	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	07/04/2002	66	Khá
17	3120530079	Nguyễn Thị Yến	Nhi	15/05/2001	74	Khá
18	3120530081	Lý Hồng	Nhung	06/09/2002	59	Trung bình
19	3120530083	Lý Thiện	Phúc	17/08/2001	81	Tốt
20	3120530085	Tôn Thất Bảo	Phúc	04/04/2002	60	Trung bình
21	3120530093	Nguyễn Trúc	Phuong	15/06/2002	71	Khá
22	3120530095	Nguyễn Đông	Quân	25/04/2002	68	Khá
23	3120530101	Diệp Trần	Thành	01/01/2002	62	Trung bình
24	3120530106	Trần Đức Duy	Thông	18/09/2002	55	Trung bình
25	3120530110	Đặng Anh	Thư	16/08/2002	62	Trung bình
26	3120530112	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/04/2002	70	Khá
27	3120530122	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	01/03/2002	70	Khá
28	3120530125	Viên Chinh Bảo	Trân	04/02/2002	0	Kém
29	3120530127	Trần Nguyễn Phương	Trinh	07/08/2002	65	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Tâm lý học - K.20 - Lớp 1 (DTL1201)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120530129	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	26/10/2002	82	Tốt
31	3120530132	Lê Thị Thu	Uyên	03/04/2002	72	Khá
32	3120530134	Lương	Văn	29/06/2002	79	Khá
33	3120530013	Lê Ngọc Khánh	Vân	18/10/2002	77	Khá
34	3120530136	Trần Khánh	Vân	02/09/2002	64	Trung bình
35	3120530140	Lương Thái	Vy	07/05/2002	62	Trung bình
36	3119530134	Nguyễn Hồng Phúc Uyên	Vy	19/08/2001	67	Khá
37	3120530015	Quách Uyển	Vy	07/09/2002	69	Khá
38	3120530143	Trương Ngọc Thanh	Vy	29/09/2002	65	Khá

Tổng cộng danh sách này có 38 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	3	7,9
Khá	18	47,4
TB	15	39,5
Yếu	1	2,6
Kém	1	2,6

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Tâm lí học - K.20 - Lớp 2 (DTL1202)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120530016	Nguyễn Như Thùy	An	05/07/2002	69	Khá
2	3120530021	Nguyễn Văn	Bắc	09/11/1999	85	Tốt
3	3120530023	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	19/08/2002	67	Khá
4	3120530027	Đỗ Thị Thùy	Dung	12/12/2002	60	Trung bình
5	3120530029	Thái Thị Mỹ	Dung	09/02/2002	77	Khá
6	3120530034	Lê Tuấn	Đạt	17/11/2002	94	Xuất sắc
7	3120530039	La Thị Hồng	Hà	15/08/2002	71	Khá
8	3120530041	Huỳnh Nhật	Hào	27/01/2000	68	Khá
9	3120530050	Mã Nguyễn Bảo	Khanh	03/09/2002	65	Khá
10	3120530053	Nguyễn Như	Khoa	06/08/2002	72	Khá
11	3120530055	Lương Phạm Ngọc	Linh	05/07/2002	73	Khá
12	3120530058	Vũ Thụy Hồng	Loan	28/12/2002	59	Trung bình
13	3120530060	Ngô Đoàn Phương	Lynh	06/05/2002	74	Khá
14	3120530063	Nguyễn	Minh	18/09/2002	56	Trung bình
15	3120530068	Ngô Bảo Phương	Ngân	29/05/2002	59	Trung bình
16	3120530071	Đỗ Kim	Ngọc	13/10/2002	64	Trung bình
17	3120530074	Trần Hồng	Ngọc	08/02/2002	62	Trung bình
18	3120530076	Lâm	Nhi	21/12/2002	63	Trung bình
19	3120530078	Nguyễn Thị Yên	Nhi	18/10/2002	75	Khá
20	3120530082	Nguyễn Tâm	Như	06/12/2002	65	Khá
21	3120530084	Nguyễn Đạo	Phúc	05/03/2002	64	Trung bình
22	3120530087	Trần Thị Hồng	Phúc	02/07/2002	64	Trung bình
23	3120530090	Hồ Nguyễn Hoài	Phương	12/03/2002	89	Tốt
24	3120530092	Nguyễn Mai Ngọc	Phương	05/02/2002	87	Tốt
25	3120530010	Mai Minh	Quang	26/11/2002	60	Trung bình
26	3120530094	Đương Minh	Quân	19/04/2002	68	Khá
27	3120530098	Trần Quang	Thái	25/05/2002	88	Tốt
28	3120530100	Nguyễn Trần Xuân	Thanh	05/09/2002	81	Tốt
29	3120530102	Phan Thanh	Thảo	17/11/2002	65	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Tâm lý học - K.20 - Lớp 2 (DTL1202)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120530107	Lê Thị	Thu	26/08/2002	87	Tốt
31	3120530109	Ngô Hoàng Thu	Thùy	07/01/2002	66	Khá
32	3120530114	Phan Thị Minh	Thư	27/03/2002	80	Tốt
33	3120530121	Lê Ngọc	Trâm	27/10/2002	62	Trung bình
34	3120530124	Lâm Trần Phương	Trân	14/02/2002	76	Khá
35	3120530130	Huỳnh Trần Phương	Uyên	29/08/2002	77	Khá
36	3120530133	Trần Mỹ	Uyên	02/02/2002	87	Tốt
37	3120530137	Võ Nguyễn Thảo	Vân	24/06/2002	84	Tốt
38	3120530014	Lý Bửu	Vy	24/02/2002	74	Khá
39	3120530145	Nguyễn Thị	Xuyến	10/07/2002	94	Xuất sắc
40	3120530146	Nguyễn Thị Như	Ý	26/05/2002	59	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 40 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	5,0
Tốt	9	22,5
Khá	17	42,5
TB	12	30,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Tâm lý học - K.21 - Lớp 1 (DTL1211)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121530008	Trần Nguyễn Duy	Ái	22/07/2003	70	Khá
2	3121530010	Nguyễn Quốc Châu	An	25/12/2003	73	Khá
3	3121530012	Huỳnh Quan Mỹ	Anh	27/10/2003	72	Khá
4	3121530014	Nguyễn Ngọc Duyên	Anh	25/05/2003	73	Khá
5	3121530016	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/04/2003	71	Khá
6	3121530018	Trần Nguyễn Minh	Anh	21/11/2003	76	Khá
7	3121530020	Lê Huy	Bảo	24/05/2003	76	Khá
8	3121530023	Nguyễn Thị Minh	Châu	13/11/2003	68	Khá
9	3121530025	Nguyễn Thân Trúc	Chi	11/11/2003	74	Khá
10	3121530032	Nguyễn Thị Thoại	Duy	12/03/2003	56	Trung bình
11	3121530034	Nguyễn Thị Thùy	Dương	01/04/2003	80	Tốt
12	3121530039	Phạm Thị	Hằng	15/01/2003	0	Kém
13	3121530041	Huỳnh Thanh	Hiền	06/05/2003	83	Tốt
14	3121530044	Đỗ Trần Khánh	Huyền	26/12/2003	78	Khá
15	3121530001	Lê Minh	Khôi	14/11/2002	76	Khá
16	3121530051	Bùi Lê Trọng	Kiên	23/08/2003	65	Khá
17	3121530053	Nguyễn Vũ Bích	Liên	08/02/2003	69	Khá
18	3121530059	Bùi Thị Kim	Mai	08/12/2003	65	Khá
19	3121530061	Võ Thị Thanh	Mai	15/02/2003	0	Kém
20	3121530063	Nguyễn Thanh Uyên	My	02/11/2003	73	Khá
21	3121530065	Phan Trúc	Ngân	17/06/2003	79	Khá
22	3121530068	Dương Bích	Ngọc	27/03/2003	78	Khá
23	3121530070	Trịnh Lưu Hồng	Ngọc	07/04/2003	73	Khá
24	3121530072	Trương Thị Bảo	Ngọc	16/04/2003	88	Tốt
25	3121530074	Nguyễn Trương Trà	Nguyên	14/12/2003	72	Khá
26	3121530076	Nguyễn Hồng	Nhi	28/05/2003	71	Khá
27	3121530079	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	01/12/2003	79	Khá
28	3121530082	Lê Anh	Như	27/08/2003	71	Khá
29	3121530084	Nguyễn Huỳnh Thụy Quỳnh	Như	18/08/2003	57	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Tâm lý học - K.21 - Lớp 1 (DTL1211)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121530088	Phạm Phương Cung	Như	24/09/2003	66	Khá
31	3121530090	Hoàng Nguyễn Minh	Phát	04/03/2003	67	Khá
32	3121530094	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	03/12/2003	0	Kém
33	3121530096	Trần Như	Quỳnh	26/06/2003	73	Khá
34	3121530099	Lê Thị Băng	Tâm	26/12/2003	70	Khá
35	3121530003	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	28/06/2003	83	Tốt
36	3121530101	Hoàng Thị Phương	Thảo	22/09/2003	70	Khá
37	3121530103	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	10/08/2003	82	Tốt
38	3121530107	Dương Anh	Thư	21/08/2003	62	Trung bình
39	3121530112	Vũ Hoàng Anh	Thư	27/10/2003	77	Khá
40	3121530114	Hồ Thanh	Thy	06/05/2003	85	Tốt
41	3121530118	Nguyễn Thanh	Trà	12/04/2003	73	Khá
42	3121530122	Quách Huệ	Trân	27/04/2003	65	Khá
43	3121530124	Huỳnh Hồ Tú	Trúc	06/11/2003	65	Khá
44	3121530128	Trần Nguyễn Phương	Uyên	03/11/2003	65	Khá
45	3120530135	Bùi Thị Thảo	Vân	14/02/2002	77	Khá
46	3121530130	Lê Thị Ngọc	Ven	26/02/2003	91	Xuất sắc
47	3121530134	Hoàng Ngọc	Vy	05/04/2003	91	Xuất sắc
48	3121530136	Nguyễn Lan	Vy	27/04/2003	93	Xuất sắc

Tổng cộng danh sách này có 48 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	6,3
Tốt	6	12,5
Khá	33	68,8
TB	3	6,3
Yếu	0	0,0
Kém	3	6,3

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Tâm lý học - K.21 - Lớp 2 (DTL1212)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121530009	Đinh Thị Mỹ	An	04/11/2003	64	Trung bình
2	3121530011	Trần Thị Hoài	An	19/03/2003	61	Trung bình
3	3121530022	Trương Thy	Bội	14/07/2003	73	Khá
4	3121530024	Trần Thị Mỹ	Châu	29/09/2003	68	Khá
5	3121530028	Nguyễn Hoàng	Doanh	03/01/2003	56	Trung bình
6	3121530031	Nguyễn Lê	Duy	25/02/2003	0	Kém
7	3121530033	Đặng Thùy	Dương	04/03/2003	63	Trung bình
8	3121530037	Nguyễn Ngọc Ngân	Hà	28/05/2003	51	Trung bình
9	3121530042	Trần Bùi Mỹ	Hoa	25/12/2003	75	Khá
10	3121530047	Lê Bá	Khang	29/01/2003	78	Khá
11	3121530052	Đặng Thị Thúy	Kiều	30/06/2003	45	Yếu
12	3121530054	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	21/12/2003	67	Khá
13	3121530057	Nguyễn Hồng Đại	Lực	13/01/2002	57	Trung bình
14	3121530060	Lưu Ngọc Xuân	Mai	17/05/2003	69	Khá
15	3121530064	Võ Thị Thu	Nga	06/09/2003	62	Trung bình
16	3121530067	Lâm Trúc	Nghi	12/06/2003	57	Trung bình
17	3121530069	Trần Bảo	Ngọc	19/05/2003	59	Trung bình
18	3121530071	Trương Hồng	Ngọc	10/11/2003	87	Tốt
19	3121530073	Vũ Minh	Ngọc	29/06/2003	67	Khá
20	3121530075	Tô Hải	Nguyên	20/03/2003	66	Khá
21	3121530077	Vũ Bảo	Nhi	05/10/2003	63	Trung bình
22	3121530080	Bùi Xuân	Như	11/12/2003	66	Khá
23	3121530083	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	31/10/2003	74	Khá
24	3121530086	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	12/08/2003	59	Trung bình
25	3121530089	Phan Trần Quỳnh	Như	05/01/2003	67	Khá
26	3121530093	Trịnh Lưu Ngọc Tú	Quỳnh	15/12/2003	67	Khá
27	3121530095	Phan Lê Như	Quỳnh	20/11/2003	64	Trung bình
28	3121530097	Nguyễn Sang	Sang	17/06/2003	69	Khá
29	3121530002	Trịnh Quý	Tâm	12/12/2003	64	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Tâm lý học - K.21 - Lớp 2 (DTL1212)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121530100	Hoàng Thanh	Thảo	27/04/2003	70	Khá
31	3121530102	Huỳnh Hương	Thảo	01/09/2003	65	Khá
32	3121530104	Đỗ Thị Thanh	Thắm	23/04/2003	77	Khá
33	3121530109	Trịnh Vũ Anh	Thư	25/09/2003	87	Tốt
34	3121530111	Võ Nguyên Anh	Thư	20/03/2003	70	Khá
35	3121530113	Nguyễn Vũ Hoài	Thương	27/03/2003	59	Trung bình
36	3121530119	Bùi Quỳnh	Trang	10/06/2003	70	Khá
37	3121530123	Trần Nguyễn Hoàng Mỹ	Trân	07/11/2003	63	Trung bình
38	3121530127	Trần Nguyễn Hoàng	Uyên	08/07/2003	54	Trung bình
39	3121530129	Vũ Thảo Hương	Uyên	28/04/2003	87	Tốt
40	3121530133	Dương Ngọc Thanh	Vy	05/06/2003	60	Trung bình
41	3121530135	Lê Xuân	Vy	15/04/2003	72	Khá
42	3121530007	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	20/08/2003	82	Tốt
43	3121530137	Nguyễn Phương	Vy	15/03/2003	82	Tốt
44	3121530138	Trương Minh Ngọc	Yên	28/04/2003	82	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 44 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	6	13,6
Khá	19	43,2
TB	17	38,6
Yếu	1	2,3
Kém	1	2,3

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Tâm lí học - K.22 - Lớp 1 (DTL1221)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122530002	Đoàn Nguyễn Bảo	Anh	27/01/2004	85	Tốt
2	3122530004	Lê Phạm Minh	Anh	20/03/2004	68	Khá
3	3122530007	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	29/05/2004	65	Khá
4	3122530009	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	02/01/2004	78	Khá
5	3122530011	Phạm Thị Tuyết	Anh	19/10/2004	76	Khá
6	3122530013	Vũ Nguyễn Quỳnh	Anh	22/10/2004	65	Khá
7	3122530015	Lê Thị Hồng	Ân	03/12/2004	65	Khá
8	3122530018	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	15/03/2004	62	Trung bình
9	3122530020	Huỳnh Hồ Khánh	Châu	26/05/2004	64	Trung bình
10	3122530022	Trần Ngọc Bảo	Châu	14/04/2004	64	Trung bình
11	3122530026	Phạm Vũ Khánh	Duyên	22/09/2004	0	Kém
12	3121530036	Võ Ngô Thảo	Đình	04/10/2003	53	Trung bình
13	3122530028	Nguyễn Khải	Định	29/04/2004	75	Khá
14	3122530030	Dương Thị	Hà	16/01/2004	89	Tốt
15	3122530032	Nguyễn Ngọc Thanh	Hà	20/05/2004	62	Trung bình
16	3122530035	Trần Thị Thúy	Hằng	08/03/2004	70	Khá
17	3122530037	Nguyễn Bảo	Hân	23/10/2004	75	Khá
18	3122530039	Trương Nguyễn Ngọc	Hân	13/09/2004	89	Tốt
19	3122530041	Nguyễn Lê Minh	Hiếu	18/03/2004	62	Trung bình
20	3122530043	Dương Huỳnh Ngọc	Huệ	29/07/2004	79	Khá
21	3122530047	Hồ Trần Diễm	Huyền	02/01/2004	69	Khá
22	3122530049	Nguyễn Mạnh	Khải	15/09/2003	38	Yếu
23	3122530051	Huỳnh Thị Cẩm	Lai	18/07/2004	69	Khá
24	3122530053	Nguyễn Anh Phương	Linh	17/07/2004	0	Kém
25	3122530056	Lê Thị Thanh	Mai	30/09/2004	52	Trung bình
26	3122530058	Đặng Vương Như	Mẫn	08/07/2004	69	Khá
27	3122530063	Nguyễn Võ Ly	Na	18/12/2004	70	Khá
28	3122530065	Lý Gia	Ngân	24/11/2004	73	Khá
29	3122530067	Nguyễn Thiên	Ngân	10/06/2004	61	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Tâm lý học - K.22 - Lớp 1 (DTL1221)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122530069	Nguyễn Phương	Nghi	31/10/2004	65	Khá
31	3122530071	Võ Ngọc Phương	Nghi	29/08/2004	75	Khá
32	3122530073	Nguyễn Thảo	Ngọc	29/10/2004	63	Trung bình
33	3122530075	Hoàng Minh	Nguyệt	18/01/2004	66	Khá
34	3122530078	Đặng Huỳnh Uyển	Nhi	31/07/2004	0	Kém
35	3122530080	Huỳnh Xuân	Nhi	22/02/2004	62	Trung bình
36	3122530082	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	24/09/2004	73	Khá
37	3122530084	Nguyễn Tổng Đan	Nhi	18/07/2004	0	Kém
38	3122530086	Trần Ngọc Yến	Nhi	10/07/2004	68	Khá
39	3122530088	Trần Tấn	Phát	16/11/2004	79	Khá
40	3122530090	Lê Hoàng	Phúc	24/09/2004	50	Trung bình
41	3122530092	Nguyễn Trần Uyên	Phương	24/03/2004	52	Trung bình
42	3122530094	Lê Thị	Phượng	16/12/2004	65	Khá
43	3122530096	Nguyễn Thành	Tài	28/06/2004	75	Khá
44	3122530098	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	10/10/2004	100	Xuất sắc
45	3122530100	Dương Nguyễn Thiện	Thanh	20/12/2004	70	Khá
46	3122530102	Phạm Vũ Thiên	Thanh	06/06/2004	70	Khá
47	3122530104	Nguyễn Phương	Thảo	06/12/2004	73	Khá
48	3122530106	Hồ Quang Bảo	Thắng	06/11/2004	63	Trung bình
49	3122530110	Phạm Thị Kim	Thùy	29/02/2004	64	Trung bình
50	3122530112	Huỳnh Thị Minh	Thư	07/05/2004	94	Xuất sắc
51	3122530114	Lê Thị Minh	Thư	13/03/2004	65	Khá
52	3122530116	Nguyễn Ngọc Phương	Thư	30/11/2003	73	Khá
53	3122530117	Phan Khánh	Thư	15/09/2004	78	Khá
54	3122530119	Vũ Trần Minh	Thư	04/10/2004	59	Trung bình
55	3122530121	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	27/04/2004	62	Trung bình
56	3122530123	Trần Tấn	Toàn	23/03/2004	70	Khá
57	3122530125	Nguyễn Ngọc Thảo	Trang	19/08/2004	50	Trung bình
58	3122530128	Nguyễn Thành	Trí	05/04/2004	100	Xuất sắc
59	3122530060	Vũ Phạm Minh	Trường	07/09/2004	65	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Tâm lý học - K.22 - Lớp 1 (DTL1221)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122530132	Trần Cao Thanh Vân	08/08/2004	67	Khá
61	3122530134	Trần Phan Triệu Vi	18/06/2004	70	Khá
62	3122530138	Nguyễn Thị Tường Vy	30/11/2004	79	Khá

Tổng cộng danh sách này có 62 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	4,8
Tốt	3	4,8
Khá	34	54,8
TB	17	27,4
Yếu	1	1,6
Kém	4	6,5

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Tâm lý học - K.22 - Lớp 2 (DTL1222)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122530003	Hồ Hồng	Anh	19/08/2004	67	Khá
2	3122530005	Lưu Hải	Anh	05/08/2004	61	Trung bình
3	3122530008	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	05/09/2003	68	Khá
4	3122530010	Phạm Nguyễn Kỳ	Anh	13/02/2004	69	Khá
5	3122530012	Tăng Tường Minh	Anh	24/12/1999	75	Khá
6	3122530014	Trần Thị Ngọc	Ánh	03/12/2004	63	Trung bình
7	3122530016	Lê Thục	Ân	02/06/2004	67	Khá
8	3122530019	Nguyễn Duy	Bình	18/12/2003	61	Trung bình
9	3122530021	Nguyễn Bảo	Châu	27/07/2004	66	Khá
10	3122530023	Phạm Xuân	Diễm	22/09/2003	73	Khá
11	3122530025	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	06/08/2003	60	Trung bình
12	3122530027	Nguyễn Lâm Ánh	Dương	20/01/2004	68	Khá
13	3122530029	Lê Thu	Hà	25/11/2004	94	Xuất sắc
14	3122530031	Đặng Nguyễn Văn	Hà	11/04/2004	67	Khá
15	3122530033	Nguyễn Nhật	Hạ	27/06/2004	71	Khá
16	3122530036	Đinh Thị Kim	Hân	20/11/2001	70	Khá
17	3122530038	Nguyễn Ngọc	Hân	01/11/2004	0	Kém
18	3122530040	Mai Thụy Thanh	Hiền	27/10/2004	64	Trung bình
19	3122530042	Lê Xuân	Hòa	12/07/2004	57	Trung bình
20	3122530044	Nguyễn Thị	Huệ	16/10/2004	64	Trung bình
21	3122530048	Trần Kha	Hy	06/07/2004	52	Trung bình
22	3122530050	Vương Đình	Khôi	15/06/2004	56	Trung bình
23	3122530052	Nguyễn Thị	Lan	12/10/2004	66	Khá
24	3122530054	Nguyễn Năm	Lượng	20/01/2004	63	Trung bình
25	3122530057	Nguyễn Thị Xuân	Mai	21/10/2004	80	Tốt
26	3122530059	Đào Quang	Minh	24/12/2004	87	Tốt
27	3122530062	Trần Lê Hà	My	11/12/2004	58	Trung bình
28	3122530064	Vũ Hoàng	Nam	19/03/2004	60	Trung bình
29	3122530066	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	24/04/2004	68	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Tâm lý học - K.22 - Lớp 2 (DTL1222)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122530068	Tô Kim	Ngân	26/01/2004	79	Khá
31	3122530070	Phan Nguyễn Đông	Nghi	19/10/2004	60	Trung bình
32	3122530072	Trần Đại	Nghĩa	14/05/2004	99	Xuất sắc
33	3122530074	Lê Trần Hoàng	Nguyên	13/10/2004	70	Khá
34	3122530077	Cao Thị Yến	Nhi	23/12/2004	60	Trung bình
35	3122530079	Đoàn Phạm Minh	Nhi	22/05/2004	67	Khá
36	3122530081	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	18/07/2004	73	Khá
37	3122530083	Nguyễn Phương	Nhi	01/12/2004	77	Khá
38	3122530085	Phạm Yến	Nhi	17/01/2004	86	Tốt
39	3122530087	Võ Trần Yến	Nhi	25/06/2004	53	Trung bình
40	3122530089	Võ Minh	Phú	15/08/2004	76	Khá
41	3122530091	Nguyễn Hồ Chấn	Phương	01/11/2004	65	Khá
42	3122530095	Trần Minh Tú	Quyên	23/08/2004	76	Khá
43	3122530097	Lê Thành	Tâm	22/07/2004	51	Trung bình
44	3122530099	Nguyễn Thảo Minh	Tâm	04/01/2004	60	Trung bình
45	3122530101	Huỳnh Thị Thu	Thanh	22/05/2004	53	Trung bình
46	3122530103	Hà Phương	Thảo	26/12/2004	70	Khá
47	3122530105	Võ Thị Phương	Thảo	09/09/2003	68	Khá
48	3122530107	Trần Phước	Thọ	27/01/2004	73	Khá
49	3122530109	Hồ Thụy Xuân	Thủy	02/11/2004	68	Khá
50	3122530111	Vương Mỹ	Thủy	01/03/2004	53	Trung bình
51	3122530113	Lâm Nguyễn Anh	Thư	06/03/2004	63	Trung bình
52	3122530115	Lê Trần Minh	Thư	21/12/2004	57	Trung bình
53	3122530118	Vũ Hoàng Anh	Thư	16/11/2004	65	Khá
54	3122530120	Nguyễn Hoài	Thương	01/06/2004	81	Tốt
55	3122530122	Nguyễn Thái	Toàn	04/12/2004	51	Trung bình
56	3122530124	Nguyễn Ngân	Trà	10/11/2004	80	Tốt
57	3122530126	Trần Lê Ngọc	Trang	26/03/2004	63	Trung bình
58	3122530129	Triệu Thái	Trí	26/12/2004	60	Trung bình
59	3122530131	Phan Kim	Tuyền	29/10/2004	74	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Tâm lý học - K.22 - Lớp 2 (DTL1222)

Khoa: Giáo dục (QG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122530133	Tổng Tường Vi	29/04/2004	72	Khá
61	3122530135	Hồ Triệu Vy	30/06/2004	63	Trung bình
62	3122530137	Lê Nguyễn Hà Vy	22/11/2004	71	Khá
63	3122530139	Nguyễn Tường Vy	15/05/2004	68	Khá

Tổng cộng danh sách này có 63 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 18 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	3,2
Tốt	5	7,9
Khá	30	47,6
TB	25	39,7
Yếu	0	0,0
Kém	1	1,6

TS. Võ Văn Thật